

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
và Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Văn bản số 8614/BTC-KTĐP ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính về việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của địa phương về việc thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền khi sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Nghị quyết số 663/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh hoặc của ngân sách cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1); số 3925/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 2);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 14410/TTr-STC ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 và Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh nội dung tại Phụ biểu 2 của một số đơn vị kèm theo Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế

hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 2).

(Chi tiết có Phụ biểu 01 kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh nội dung tại Phụ biểu 3 của một số đơn vị kèm theo Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 1); Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 2742/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 của ngân sách cấp tỉnh và của ngân sách cấp xã (đợt 2).

(Chi tiết có Phụ biểu 02 kèm theo)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở nội dung điều chỉnh tại Điều 1, Điều 2 thực hiện các thủ tục, nghiệp vụ, làm cơ sở giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 theo quy định.

b) Thực hiện nhập dự toán cho các dự án trên Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS) theo tiến độ thu tiền sử dụng đất.

2. UBND các xã, phường

a) Trên cơ sở nội dung điều chỉnh tại Quyết định này, trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công cấp xã đảm bảo theo quy định của pháp luật đầu tư công.

b) Thông báo điều chỉnh mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch đầu tư công năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực

hiện và giải ngân sang năm 2025) của ngân sách cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công của cấp xã cho các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện.

c) Hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án do cấp xã quản lý để hoàn thành theo kế hoạch, lập hồ sơ, thủ tục thanh toán, quyết toán vốn đầu tư công của các dự án theo quy định.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XI thực hiện kiểm tra chặt chẽ việc giải ngân của các chủ đầu tư, chỉ cho phép giải ngân khi đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định, phù hợp với mức vốn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, mức vốn hằng năm được cấp có thẩm quyền quyết định; đồng thời, chuyển đổi số liệu từ ngân sách cấp huyện về ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đảm bảo theo quy định.

4. Các chủ đầu tư căn cứ danh mục và mức vốn được thông báo, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với mức vốn được giao để triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh quyết toán theo quy định của Nhà nước; đồng thời, đề xuất cấp có thẩm quyền dừng thực hiện các dự án chưa thực sự cấp thiết, không đảm bảo khả năng cân đối vốn để triển khai thực hiện.

5. Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước khu vực XI và các ngành, đơn vị có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Giám đốc các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; Chủ tịch UBND các xã, phường; các chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để báo cáo);
- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các Ủy viên UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng

Phụ biểu 01: ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG TẠI PHỤ BIỂU 02 VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN SANG NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CỦA CÁC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ GIAO CHO CẤP HUYỆN LÀM CHỦ ĐẦU TƯ KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3925/QĐ-UBND NGÀY 15/12/2025 CỦA UBND TỈNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp tỉnh tại Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ			1.208.730	315.473	39.530	31.530	25.470	6.060		286.473	70.098	61.531	41.490	20.041	6.560		
1	HUYỆN TRIỆU SƠN (cũ)			186.978								20.000	20.000	19.999	0,938			
a	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			186.978								20.000	20.000	19.999	0,938			
-	Đường kết nối Quốc lộ 47C với đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn, đoạn từ Quốc lộ 47 - Tỉnh lộ 514, huyện Triệu Sơn	7928755; 8001650	3224/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	186.978								20.000	20.000	19.999	0,938		Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Triệu Sơn	
2	HUYỆN HÀ TRUNG (CŨ)			426.759	78.000	12.430	7.430	7.430			49.000	22.998	17.431	17.431				
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			142.253							10.000	10.000	10.000	10.000				
-	Xây dựng nhà Khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	7918150	1849/QĐ UBND ngày 01/6/2021; 1342/QĐ UBND ngày 05/5/2025	142.253							10.000	10.000	10.000	10.000			Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			284.506	78.000	12.430	7.430	7.430			39.000	12.998	7.431	7.431				
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			142.253	39.000	5.000					31.569	5.567						
-	Xây dựng nhà Khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	7918150	1849/QĐ UBND ngày 01/6/2021; 1342/QĐ UBND ngày 05/5/2025	142.253	39.000	5.000					31.569	5.567					Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			142.253	39.000	7.430	7.430	7.430			7.431	7.431	7.431	7.431				
-	Xây dựng nhà Khám chữa bệnh trung tâm Bệnh viện Đa khoa huyện Hà Trung	7918150	1849/QĐ UBND ngày 01/6/2021; 1342/QĐ UBND ngày 05/5/2025	142.253	39.000	7.430	7.430	7.430			7.431	7.431	7.431	7.431			Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	
3	HUYỆN NGA SƠN (CŨ)			375.000	221.480	22.100	22.100	18.040	4.060		221.480	22.100	22.100	4.060	18.040			
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			375.000	221.480	22.100	22.100	18.040	4.060		221.480	22.100	22.100	4.060	18.040			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			375.000	221.480	22.100	22.100	18.040	4.060		221.480	22.100	22.100	4.060	18.040			
-	Đường giao thông từ khu công nghiệp Bim Sơn đến đường bộ ven biển đoạn Nga Sơn - Hoằng Hoá (tiểu dự án bồi thường GPMB)	7945500	490/QĐ-UBND ngày 05/02/2021; 4565/QĐ-UBND ngày 18/11/2024	375.000	221.480	22.100	22.100	18.040	4.060		221.480	22.100	22.100	4.060	18.040		Sở Xây dựng	
4	HUYỆN VINH LỘC (CŨ)			219.993	15.993	5.000	2.000		2.000		15.993	5.000	2.000		2.000	6.560		
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			177.000											6.560			
-	Đường từ trung tâm đô thị Bồng, huyện Vĩnh Lộc nối Đường tỉnh 516B ra Quốc lộ 217 đi huyện Hà Trung (Các hạng mục do UBND huyện Vĩnh Lộc làm chủ đầu tư)	7928895	4787/QĐ-UBND ngày 04/12/2024	177.000											6.560		Ban QLDA ĐTXD khu vực Vĩnh Lộc	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			42.993	15.993	5.000	2.000		2.000		15.993	5.000	2.000		2.000			

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp tỉnh tại Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			42.993	15.993	5.000	2.000		2.000		15.993	5.000	2.000		2.000			
-	Hệ thống thoát nước khu vực thị trấn Vĩnh Lộc và các xã phụ cận huyện Vĩnh Lộc	7928894	4897/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	42.993	15.993	5.000	2.000		2.000		15.993	5.000	2.000		2.000		Ban QLDA ĐTXD khu vực Hà Trung	Điều chỉnh mã dự án

**Phụ biểu 02: ĐIỀU CHỈNH PHỤ BIỂU 03 VỀ KẾ HOẠCH VỐN TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN SANG NGÂN SÁCH CẤP XÃ CỦA CÁC DỰ ÁN DO CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ BÀN GIAO VỀ XÃ MỚI (SAU SẮP XẾP)
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 3581/QĐ-UBND NGÀY 17/11/2025 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 3925/QĐ-UBND NGÀY 15/12/2025 CỦA UBND TỈNH**

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ			3.179.866	1.421.807	393.171	161.864	72.010	89.665	131.151	2.384.479	901.632	774.529	374.952	399.577	20.700		
1	Xã Thọ Lập			235.286	116.763	49.326				27.567	117.022	76.893	74.893	25.180	49.713			Điều chỉnh Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			6.500	5.050	4.550					5.050	4.550	4.550	1.629	2.921			
-	Trường THCS Thọ Lập, xã Thọ lập, huyện Thọ Xuân	8146552	7614/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.500							5.050	4.550	4.550	1.629	2.921		UBND xã Thọ Lập	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			228.786	111.713	44.776				27.567	111.972	72.343	70.343	23.551	46.792			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			110.671	47.910	41.955					47.910	41.955	39.955	578	39.377			
-	Cầu thôn Đông Cỏ xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân	8088870	170/NQ-HĐND ngày 18/12/2022	6.000	6.000	3.399	3.399	3.399			2.679	578	578	578			UBND xã Thọ Lập	
-	Đường giao thông ngoài hàng rào cụm công nghiệp Thọ Minh	8129916	284/NQ-HĐND ngày 09/11/2024	5.000	3.000	1.000					3.000	1.000	1.000		1.000		UBND xã Thọ Lập	
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 506B đoạn từ xã Thọ Lập đi xã Xuân Tín	7935391	87/NQ-HĐND ngày 26/7/2021	92.000	92.000	38.377	38.377		38.377		38.377	38.377	38.377		38.377		UBND xã Thọ Lập	
-	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng trường THPT Thọ Xuân 4, huyện Thọ Xuân	7825933	6932/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	14.373	1.480												UBND xã Thọ Lập	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			118.115	63.804	2.821				27.567	64.063	30.388	30.388	22.973	7.415			
-	Cầu thôn Đông Cỏ xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân	8088870	170/NQ-HĐND ngày 18/12/2022	6.000							3.321	2.821	2.821	2.821			UBND xã Thọ Lập	
-	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 506B đoạn từ xã Thọ Lập đi xã Xuân Tín	7935391	87/NQ-HĐND ngày 26/7/2021	92.000	92.000	27.206	27.206	19.791	7.415		53.623	27.206	27.206	19.791	7.415		UBND xã Thọ Lập	
-	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng trường THPT Thọ Xuân 4, huyện Thọ Xuân	7825933	6932/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	14.373							1.480						UBND xã Thọ Lập	
-	Trường THCS Thọ Lập, xã Thọ lập, huyện Thọ Xuân	8146552	7614/QĐ-UBND ngày 31/12/2024	6.500	5.050	4.550	4.550	1.629	2.921								UBND xã Thọ Lập	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Cửa Hồ thôn 3 Phúc Bội, xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân	8045766	4836/QĐ-UBND ngày 30/08/2023	259							259						UBND xã Thọ Lập	
2	Xã Thọ Long			235.286	116.763	49.326				27.567	117.022	76.893	74.893	25.180	49.713			Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			6.500	5.050	4.550					5.050	4.550	4.550	1.629	2.921			
-	Xây dựng trường Tiểu học Nam Giang (Nhà 2 tầng, 12 phòng)	7961896	132/NQ-HĐND ngày 19/12/2021; 2011/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	10.339	10.339	2.869	2.869	2.869									UBND xã Thọ Long	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			228.786	111.713	44.776				27.567	111.972	72.343	70.343	23.551	46.792			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			110.671	47.910	41.955					47.910	41.955	39.955	578	39.377			
-	Xây dựng trường Tiểu học Nam Giang (Nhà 2 tầng, 12 phòng)	7961896	132/NQ-HĐND ngày 19/12/2021; 2011/QĐ-UBND ngày 15/4/2025	10.339							10.339	2.869	2.869	2.869			UBND xã Thọ Long	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Đồng Tường, thôn Phong Lạc 2, xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân	8046917	115/NQ-HĐND ngày 16/7/2022; 223/NQ-HĐND ngày 18/7/2023	40.000	40.000	9.132	9.132		9.132		40.000	9.132	9.132	9.132			UBND xã Thọ Long	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			118.115	63.804	2.821				27.567	64.063	30.388	30.388	22.973	7.415			
-	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước và tuyến đường làng nghề xã Thọ Lộc	8045991	Số 986/QĐUBND ngày 07/3/2023; 3679/QĐ-UBND ngày 24/6/2025	9.435							9.435	622	622	70	553		UBND xã Thọ Long	
3	Xã Sao Vàng			235.286	116.763	49.326				27.567	117.022	76.893	74.893	25.180	49.713			Điều chỉnh Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			228.786	111.713	44.776				27.567	111.972	72.343	70.343	23.551	46.792			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			110.671	47.910	41.955					47.910	41.955	39.955	578	39.377			
-	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ và sân Golf tại xã Xuân Phú, Thọ Lâm, Thọ Xương, huyện Thọ Xuân.	8147355	2540/QĐ-UBND ngày 12/5/2025 của UBND huyện Thọ Xuân phê duyệt nhiệm vụ dự toán	3.480	3.480	204	204		204								Ban QLDA ĐTXD KV Thọ Xuân	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			118.115	63.804	2.821				27.567	64.063	30.388	30.388	22.973	7.415			
-	Đường vào khu xử lý rác thải xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	8136172	5413/QĐ-UBND ngày 10/10/2024	12.000	3.700					3.700	3.700	3.700	3.700	1.973	1.727		UBND xã Sao Vàng	
-	Tuyến đường trục chính qua trung tâm xã Xuân Phú đoạn nối đường Hồ Chí Minh với đường tỉnh 519B, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	8096824	775/QĐ-UBND ngày 19/2/2024; 3307/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	12.293	1.876					1.876	1.876	1.233	1.233	1.233			UBND xã Sao Vàng	
-	Hạ tầng khu dân cư thôn 5 xã Xuân Sinh, huyện Thọ Xuân	8075027	219/NQ-HĐND ngày 18/7/2023	35.000	1.984					1.984	1.984	1.395	1.395	1.395			UBND xã Sao Vàng	
-	Trồng cây xanh dọc các tuyến đường trên địa bàn huyện (năm 2024)	8116054	774/QĐ-UBND ngày 19/2/2024	5.000	4.500					4.500	4.500	4.500	4.500	1.873	2.627		UBND xã Sao Vàng	
-	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường xung quanh bờ hồ Xuân Quang xã Xuân Sinh, huyện Thọ Xuân	8089427	777/QĐ-UBND ngày 19/2/2024	13.000	1.935					1.935	1.935	1.735	1.735	1.735			UBND xã Sao Vàng	
-	Lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 KĐT mới tại Xã Xuân Sinh và xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8040549	2687/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	996	142					142	142	142	142		142		UBND xã Sao Vàng	
-	Khu dân cư thôn Đá Dựng, xã Xuân Phú, huyện Thọ Xuân	8126992	271/NQ-HĐND ngày 18/7/2024	32.220	9.143					9.143	9.143	9.143	9.143	9.143			UBND xã Sao Vàng	
4	Xã Xuân Tín			235.286	116.763	49.326				27.567	117.022	76.893	74.893	25.180	49.713			Điều chỉnh Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			228.786	111.713	44.776				27.567	111.972	72.343	70.343	23.551	46.792			
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			118.115	63.804	2.821				27.567	64.063	30.388	30.388	22.973	7.415			
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư xã Phú Xuân, huyện Thọ Xuân	7940597	181/NQ-HĐND ngày 16/12/2020; 95/NQ-HĐND ngày 26/7/2021; 1326/QĐ-UBND ngày 02/6/2022	70.000	2.329					2.329	2.329		2.329	2.329			UBND xã Xuân Tín	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5	Xã Lam Sơn			328.641	204.661	53.513	52.274	2.876	49.398		222.027	52.771	51.391	1.993	49.398			Điều chỉnh Quyết định số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			166.391	149.025	47.600	47.600	543	47.057		101.391	31.557	32.100	543	31.557			
-	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Phúc Lâm thuộc thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	8113457	QĐ số 6580/QĐ-UBND ngày 25/11/2024	10.020	8.887	3.400	3.400	543	2.857		10.020	2.857	3.400	543	2.857		UBND xã Lam Sơn	
-	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Bình Giã xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8113455	QĐ số 7240/QĐ-UBND ngày 19/12/2024	8.371	5.471	2.800	2.800		2.800		8.371	2.800	2.800		2.800		UBND xã Lam Sơn	
-	Dự án kê chống sạt lở bờ sông Chu đoạn qua xã Xuân Bái và xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân	8069482	QĐ số 5155/QĐ-UBND ngày 14/09/2024	35.000	28.284	9.800	9.800		9.800		35.000	9.800	9.800		9.800		UBND xã Lam Sơn	
-	Xử lý cấp bách chống sạt lở bờ sông Chu, bảo vệ khu dân cư thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	8096825	QĐ số 2901/QĐ-UBND ngày 25/5/2024	48.000	41.383	16.100	16.100		16.100		48.000	16.100	16.100		16.100		UBND xã Lam Sơn	
-	Kê chống sạt lở bãi sông Chu, bảo vệ khu dân cư xã Thọ Xương và bảo vệ an toàn cầu Lam Kinh (cầu đường mòn Hồ Chí Minh), huyện Thọ Xuân	8132134	QĐ số 1300/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	65.000	65.000	15.500	15.500		15.500								UBND xã Lam Sơn	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			162.250	55.636	5.913	4.674	2.333	2.341		120.636	21.214	19.291	1.450	17.841			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			54.293	55.636	5.913	4.674	2.333	2.341		29.736	4.960	3.037	940	2.097			
-	Trường tiểu học xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	8093462	QĐ số 1082/QĐ-UBND ngày 12/3/2024	11.336	11.336	1.720	1.720	1.596	124		11.336	836	836	712	124		UBND xã Lam Sơn	
-	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho 33 hộ dân thuộc Vành đai I, khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	7872611	1548 ngày 28/6/2022; 532 ngày 14/3/2022; 4276/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 4415b/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 5728/QĐ-UBND ngày 09/10/2023; 1732/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	24.557	25.900	69	69		69								UBND xã Lam Sơn	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Góc Bù và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 2).	8105438	QĐ số 934/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	7.400	7.400	2.375	1.175		1.175		7.400	2.375	1.000		1.000		UBND xã Lam Sơn	
-	Hạ tầng khu dân cư Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	8045992	QĐ số 4909/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	11.000	11.000	1.749	1.710	737	973		11.000	1.749	1.201	228	973		UBND xã Lam Sơn	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			107.957							90.900	16.253	16.253	509	15.744			
-	Kê chống sạt lở bãi sông Chu, bảo vệ khu dân cư xã Thọ Xương và bảo vệ an toàn cầu Lam Kinh (cầu đường mòn Hồ Chí Minh), huyện Thọ Xuân	8132134	QĐ số 1300/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	65.000							65.000	15.500	15.500		15.500		UBND xã Lam Sơn	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho 33 hộ dân thuộc Vành đai I, khu di tích Quốc gia đặc biệt Lam Kinh tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	7872611	1548 ngày 28/6/2022; 532 ngày 14/3/2022; 4276/QĐ-UBND ngày 07/8/2023; 4415b/QĐ-UBND ngày 10/8/2023; 5728/QĐ-UBND ngày 09/10/2023; 1732/QĐ-UBND ngày 04/4/2024	24.557							25.900	69	69		69		UBND xã Lam Sơn	
-	Hạ tầng khu dân cư Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân	8045992	QĐ số 4909/QĐ-UBND ngày 07/9/2023	11.000								509	509	509			UBND xã Lam Sơn	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Góc Bùn và Đồng Nhà thôn Hồng Kỳ, xã Xuân Bái, huyện Thọ Xuân (giai đoạn 2).	8105438	QĐ số 934/QĐ-UBND ngày 04/3/2025	7.400								175	175		175		UBND xã Lam Sơn	
6	Xã Lưu Vệ			83.573	64.982	12.950	12.271	11.483	788		88.908	9.328	6.833	6.350	483			Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			83.573	64.982	12.950	12.271	11.483	788		88.908	9.328	6.833	6.350	483			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			74.885	55.982	12.512	11.833	11.045	788		49.961	4.828	2.333	1.850	483			
-	Nâng cấp, cải tạo nhà làm việc 03 tầng, nhà ăn thuộc Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Quảng Xương	8123733	5723 ngày 06/12/2024	13.527	390						1.816	1.816					UBND xã Lưu Vệ	
-	Nâng cấp đường Nguyễn Xuân Nguyên, đoạn từ ngã ba đường Thanh niên đến ngã ba đường huyện đội, thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Thảm mặt đường bê tông nhựa, lát đá vỉa hè	7969404	6276 ngày 26/12/2023	9.729	10.145	679					10.145	679					UBND xã Lưu Vệ	
-	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Quảng Đức – Quảng Định, huyện Quảng Xương		947 ngày 08/03/2023	947	947	500	500	500									UBND xã Lưu Vệ	
-	Nâng cấp, cải tạo đường phía Đông thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (đoạn từ phía Tây Trường Nobel đến phía Đông Trung tâm GDNN GDTX huyện)	7206294	32 ngày 03/01/2024	19.886	20.000	2.483	2.483	2.483			20.000	1.483	1.483	1.000	483		UBND xã Lưu Vệ	
-	Trường tiểu học Quảng Đức, xã Quảng Đức, huyện Quảng Xương. Hạng mục: Nhà Hiệu bộ, nhà bếp, hệ thống PCCC và các hạng mục khác	7242711	4045 ngày 21/8/2023	12.958	6.500	5.000	5.000	4.212	788								UBND xã Lưu Vệ	
-	Đường phía Tây thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (đoạn từ MBQH Nam Tri Hòa đến Tổ dân phố Khang Thịnh)		2620 ngày 23/06/2022	17.838	18.000	3.850	3.850	3.850			18.000	850	850	850			UBND xã Lưu Vệ	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách cấp huyện...)			8.687	9.000	438	438	438			38.947	4.500	4.500	4.500				
-	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Ban chỉ huy quân sự huyện Quảng Xương	7004686	1075/QĐ-UBND ngày 02/04/2025	682		282	282	282									UBND xã Lưu Vệ	
-	Trường bắn, thao trường huấn luyện của Ban CHQS huyện Quảng Xương/Bộ CHQS tỉnh Thanh Hóa	7952634	4547/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	8.005	9.000	157	157	157									UBND xã Lưu Vệ	
-	Lập Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Quảng Đức – Quảng Định, huyện Quảng Xương		947 ngày 08/03/2023								947	500	500	500			UBND xã Lưu Vệ	
-	Nâng cấp, cải tạo đường phía Đông thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (đoạn từ phía Tây Trường Nobel đến phía Đông Trung tâm GDNN GDTX huyện)	7206294	32 ngày 03/01/2024								20.000	1.000	1.000	1.000			UBND xã Lưu Vệ	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đường phía Tây thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương (đoạn từ MBQH Nam Trĩ Hòa đến Tò dân phố Khang Thịnh)	7206294	2620 ngày 23/06/2022								18.000	3.000	3.000	3.000			UBND xã Lưu Vệ	
7	Xã Hoảng Thanh			25.469	8.754	1.000	1.113	1.080	33	113	40.132	1.758	1.758	1.758		337		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện										14.663	758	758	758				
-	Trường THCS Hoảng Phụ-Hạng mục: Nhà lớp học, phòng chức năng và công trình phụ trợ	8032053	1625/QĐ-UBND ngày 16/05/2023								14.663	758	758	758			UBND xã Hoảng Thanh	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			25.469	8.754	1.000	1.113	1.080	33	113	25.469	1.000	1.000	1.000		337		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			25.469	8.754	1.000	1.113	1.080	33	113	25.469	1.000	1.000	1.000		337		
-	Hà tăng kĩ thuật MB số 82/MBQH_UBND ngày 12/08/2021 tại thôn Phú Xuân,xã Hoảng Đông,huyện Hoảng Hóa,tỉnh Thanh Hóa	7986532	48/QĐ-UBND ngày 10/01/2025	8.754	8.754	1.000	1.000	1.000			8.754	1.000	1.000	1.000		224	UBND xã Hoảng Thanh	
-	HHTKT mặt bằng phần lô đất tại thôn 3,xã Hoảng Ngọc huyện Hoảng Hóa tỉnh Thanh Hóa(Nam 2021)	8014859	4646/QĐ-UBND 18/10/2024	6.864			33		33	33	6.864					33	UBND xã Hoảng Thanh	
-	Hà tăng kĩ thuật diêm dân cư tại thôn Hồng Kỳ, xã Hoảng Phụ, huyện Hoảng Hóa	8072635	310/QĐ-UBND ngày 24/02/2022	9.850			80	80		80	9.850					80	UBND xã Hoảng Thanh	
8	Xã Hà Long			305.357	147.503	54.493	43.676	29.577	13.910	4.201	213.447	57.493	39.475	27.200	12.275	4.201		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			69.807	70.000	22.440	24.204	18.571	5.634	4.164	29.300	18.620	18.620	12.415	6.205			
-	Nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các DT lịch sử VH đền Rồng - đền nước xã Hà Long đền thờ Trần Hưng Đạo	8003388	QĐ 2715/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	841	1.000	400	200	197	3								UBND xã Hà Long	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Mùng Tám xã Hà Giang, huyện Hà Trung	8051954	4001/QĐ-UBND ngày 04/10/2023, 456/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	13.500	13.500	200											UBND xã Hà Long	
-	Trường mầm non Hà Bắc, huyện Hà Trung	8014009	2701/QĐ-UBND ngày 16/7/2024, 4039 ngày 23/10/2024	19.993	20.000	2.000	4.164	2.530	1.635	4.164							UBND xã Hà Long	
-	Cải tạo, mở rộng đường từ trung tâm xã Hà Bắc đến thôn Mỹ Dương, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	8133396	70/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	12.478	12.500	8.840	8.840	8.840			12.500	7.840	7.840	7.840			UBND xã Hà Long	
-	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km6+700Km8+600; Km9+050-Km12+600 đường Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B), huyện Hà Trung	8115544	3650/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	22.995	23.000	11.000	11.000	7.004	3.996								UBND xã Hà Long	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đê tả sông hoạt đến thôn Song Nga xã Hà Bắc, huyện Hà Trung	8145122	1306/QĐ-UBND ngày 04/4/2025								16.800	10.780	10.780	4.575	6.205		UBND xã Hà Long	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			235.550	77.503	32.053	19.472	11.006	8.276	37	184.147	38.873	20.855	14.785	6.070	4.201		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			99.158	60.703	21.273	8.692	6.431	2.071	37	95.013	16.801	1.901	1.901				
-	Chương trình phát triển đô thị Hà Long, huyện Hà Trung đến năm 2045	8022904	QĐ 2578/QĐ-UBND ngày13/6/2025	1.080	1.134	567	267	267			1.134	300					UBND xã Hà Long	
-	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Long (xã Hà Long), huyện Hà Trung đạt tiêu chí đô thị loại V	8022905	QĐ 2576/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	558	584	292	92	92			584	200					UBND xã Hà Long	
-	Tu sửa cấp thiết di tích Nguyễn Miếu thuộc khu di tích Lăng Miếu Triệu Tường xã Hà Long, huyện Hà Trung	8069503	QĐ 5382/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	237	190	190	190										UBND xã Hà Long	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Khu xen cư và tái định cư phía Nam khu Lăng Miếu Triệu Tường xã Hà Long, huyện Hà Trung	8019605	579/QĐ-UBND ngày 31/1/2024	30.770	40.000	11.606	4.606	3.601	1.005		40.000	10.000					UBND xã Hà Long	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung (Giai đoạn 2)	720467008	13s7/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	18.795	18.795	6.618	1.500	434	1.066		18.795	2.000					UBND xã Hà Long	
-	Kiến cổ hóa kênh Bia Làng, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	7963437	2558/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	10.000		2.000	2.000	2.000				1.901	1.901	1.901			UBND xã Hà Long	
-	Quy hoạch chung đô thị Hà Long Hà Trung Thanh Hóa đến năm 2040	7872615	4535 ngày 06/11/2023	3.384			37	37		37							UBND xã Hà Long	
-	Nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các DT lịch sử VH đến Rông - đến nước xã Hà Long đến thờ Trần Hưng Đạo	8003388	QĐ 2715/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	841							1.000	200					UBND xã Hà Long	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Mùng Tám xã Hà Giang, huyện Hà Trung	8051954	4001/QĐ-UBND ngày 04/10/2023, 456/QĐ-UBND ngày 24/01/2025	13.500							13.500	200					UBND xã Hà Long	
-	Trường mầm non Hà Bắc, huyện Hà Trung	8014009	2701/QĐ-UBND ngày 16/7/2024, 4039 ngày 23/10/2024	19.993							20.000	2.000					UBND xã Hà Long	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách cấp huyện...)			136.392	16.800	10.780	10.780	4.575	6.205		89.134	22.072	18.954	12.884	6.070	4.201		
-	Nhà vệ sinh đạt chuẩn phục vụ khách du lịch tại các DT lịch sử VH đến Rông - đến nước xã Hà Long đến thờ Trần Hưng Đạo	8003388	QĐ 2715/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	841							1.000	200	200	197	3		UBND xã Hà Long	
-	Trường mầm non Hà Bắc, huyện Hà Trung	8014009	2701/QĐ-UBND ngày 16/7/2024, 4039 ngày 23/10/2024	19.993												4.164	UBND xã Hà Long	
-	Cải tạo, mở rộng đường từ trung tâm xã Hà Bắc đến thôn Mỹ Dương, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	8133396	70/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	12.478							1.000	1.000	1.000	1.000			UBND xã Hà Long	
-	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km6+700Km8+600; Km9+050-Km12+600 đường Bim Sơn - Hà Long - Hà Lĩnh (ĐT.522B), huyện Hà Trung	8115544	3650/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	22.995							23.000	11.000	11.000	7.004	3.996		UBND xã Hà Long	
-	Chương trình phát triển đô thị Hà Long, huyện Hà Trung đến năm 2045	8022904	QĐ 2578/QĐ-UBND ngày13/6/2025	1.080							1.134	267	267	267			UBND xã Hà Long	
-	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Long (xã Hà Long), huyện Hà Trung đạt tiêu chí đô thị loại V	8022905	QĐ 2576/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	558							584	92	92	92			UBND xã Hà Long	
-	Tu sửa cấp thiết di tích Nguyễn Miếu thuộc khu di tích Lăng Miếu Triệu Tường xã Hà Long, huyện Hà Trung	8069503	QĐ 5382/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	237							237	190	190	190			UBND xã Hà Long	
-	Khu xen cư và tái định cư phía Nam khu Lăng Miếu Triệu Tường xã Hà Long, huyện Hà Trung	8019605	579/QĐ-UBND ngày 31/1/2024	30.770							40.000	4.606	4.606	3.601	1.005		UBND xã Hà Long	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồi, xã Hà Long, huyện Hà Trung (Giai đoạn 2)	720467008	13s7/QĐ-UBND ngày 06/4/2021	18.795							18.795	4.618	1.500	434	1.066		UBND xã Hà Long	
-	Kiến cổ hóa kênh Bia Làng, xã Hà Giang, huyện Hà Trung	7963437	2558/QĐ-UBND ngày 28/6/2022	10.000								99	99	99			UBND xã Hà Long	
-	Quy hoạch chung đô thị Hà Long Hà Trung Thanh Hóa đến năm 2040	7872615	4535 ngày 06/11/2023	3.384							3.384					37	UBND xã Hà Long	
-	Đường cứu hộ, cứu nạn từ đê tả sông hoạt đến thôn Sông Nga xã Hà Bắc, huyện Hà Trung	8145122	1306/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	15.261	16.800	10.780	10.780	4.575	6.205								UBND xã Hà Long	
9	Xã Hà Trung			787.275	396.677	41.888	27.721	13.257	14.464	16.049	419.282	45.532	27.721	13.257	14.464	16.049		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			31.034	31.034	8.249	7.550	3.800	3.750		11.000	7.100	7.100	3.350	3.750			

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong II	7894314	1291/QĐ-UBND ngày 31/3/2021, 347/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	20.034	20.034	1.149	450	450									UBND xã Hà Trung	
-	Xây dựng Trường tiểu học Hà Ninh, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung	8159052	327/NQ-HĐND ngày 21/12/2024	11.000	11.000	7.100	7.100	3.350	3.750		11.000	7.100	7.100	3.350	3.750		UBND xã Hà Trung	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			756.241	365.643	33.639	20.171	9.457	10.714	16.049	408.282	38.432	20.621	9.907	10.714	16.049		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			378.029	365.643	33.639	20.171	9.457	10.714	16.049	22.605	3.644	299	299				
-	Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc BCH Quân sự huyện Hà Trung	8085018	1063/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 (QT)	674	700	174	174	174									UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 4 tầng và khuôn viên Huyện ủy, huyện Hà Trung	7960656	1773/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	11.326	15.000	3.002	2.826	2.826									UBND xã Hà Trung	
-	Xây dựng công trình phụ trợ, mua sắm trang thiết bị làm việc, cải tạo tầng 2 khu nhà ăn Huyện ủy, huyện Hà Trung.	8034775	1772/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	4.652	5.000	1.672	1.652	1.652									UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa TDTT huyện Hà Trung	8019847	2678/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	5.887	5.764	800	479	479									UBND xã Hà Trung	
-	Hệ thống phòng cháy và chữa cháy khối nhà làm việc 3 tầng HĐND và UBND huyện Hà Trung	8106805	2714/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 (QT)	323	350					96							UBND xã Hà Trung	
-	Đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung	8023907	1293/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	547	547	53	53	53									UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Hội trường huyện; Khu nhà làm việc, thư viện, hội trường Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch	8042601	2428/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 (QT)	2.866	2.979	2.000	484	484									UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND huyện	7910091	2557/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	14.866	18.000	3.000	1.036	1.021	15	330							UBND xã Hà Trung	
-	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Trung	8015154	QĐ 4931/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.729	2.729	1.000	528	528			2.729	1.000	299	299			UBND xã Hà Trung	
-	Phòng học thông minh theo mô hình trường học thông minh 4.0 cho các trường học trên địa bàn huyện Hà Trung	8107405	2946/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (QT)	2.524	2.600					600							UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 1)	7945997	10196/QĐ-UBND ngày 17/11/2021, 342/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	103.995	103.995	13.439	10.439		10.439	5.000							UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 2)	7945998	13177/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, 342 ngày 20/01/2025	95.996	95.996	3.000				5.000							UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 3)	7945999	11644/QĐ-UBND ngày 09/12/2021, 344/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	102.999	102.999	3.000				5.000							UBND xã Hà Trung	
-	Dịch chuyển đường ngang tại Km149+400 đến vị trí mới Km149+450 vào các khu dân cư tiểu khu 5, tiểu khu 6 thị trấn Hà Trung và các cơ quan, trường học trong khu vực, huyện Hà Trung	8141109	670/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	2.891	3.000	2.200	2.200	1.981	219								UBND xã Hà Trung	
-	Hệ thống hạ tầng mạng Internet UBND huyện Hà Trung	8124706	QĐ số 4264 ngày 06/11/2025	299	299	299	299	259	40								UBND xã Hà Trung	
-	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045	7872612	QĐ 4534 ngày 06/11/2023	2.158	2.167					7							UBND xã Hà Trung	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Lập điều chỉnh, mở rộng QH chung thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2035	7872613	QĐ 4532 ngày 06/11/2023	3.447		3.519				16							UBND xã Hà Trung	
-	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa Đình làng Thượng Phú, xã Hà Đông	8069037	4848/QĐ-UBND ngày 23/11/2023, 345/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	8.574							8.600	1.538					UBND xã Hà Trung	
-	Khu dân cư Đồng Hưng (giai đoạn 2) xã Yên Sơn, huyện Hà Trung	7236732	4382 ngày 08/11/2022 (QT)	11.276							11.276	1.106					UBND xã Hà Trung	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			378.213							385.677	34.788	20.322	9.608	10.714	16.049		
-	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp làng nghề Hà Phong II	7894314	1291/QĐ-UBND ngày 31/3/2021, 347/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	20.034							20.034	1.149	450	450			UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa khu nhà làm việc BCH Quân sự huyện Hà Trung	8085018	1063/QĐ-UBND ngày 21/3/2025 (QT)	674							700	174	174	174			UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc 4 tầng và khuôn viên Huyện ủy, huyện Hà Trung	7960656	1773/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	11.326							15.000	3.002	2.826	2.826			UBND xã Hà Trung	
-	Xây dựng công trình phụ trợ, mua sắm trang thiết bị làm việc, cải tạo tầng 2 khu nhà ăn Huyện ủy, huyện Hà Trung.	8034775	1772/QĐ-UBND ngày 06/5/2025	4.652							5.000	1.672	1.652	1.652			UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Văn hóa TDTT huyện Hà Trung	8019847	2678/QĐ-UBND ngày 18/6/2025	5.887							5.764	800	479	479			UBND xã Hà Trung	
-	Hệ thống phòng cháy và chữa cháy khối nhà làm việc 3 tầng HĐND và UBND huyện Hà Trung	8106805	2714/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 (QT)	323							350					96	UBND xã Hà Trung	
-	Đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung	8023907	1293/QĐ-UBND ngày 28/3/2024	547							547	53	53	53			UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục Hội trường huyện; Khu nhà làm việc, thư viện, hội trường Trung tâm văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch	8042601	2428/QĐ-UBND ngày 03/6/2025 (QT)	2.866							2.979	2.000	484	484			UBND xã Hà Trung	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND huyện	7910091	2557/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	14.866							18.000	3.000	1.036	1.021	15	330	UBND xã Hà Trung	
-	Lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Hà Trung	8015154	QĐ 4931/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	2.729							2.729	1.000	229	229			UBND xã Hà Trung	
-	Phòng học thông minh theo mô hình trường học thông minh 4.0 cho các trường học trên địa bàn huyện Hà Trung	8107405	2946/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 (QT)	2.524							2.600					600	UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 1)	7945997	10196/QĐ-UBND ngày 17/11/2021, 342/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	103.995							103.995	13.439	10.439		10.439	5.000	UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 2)	7945998	13177/QĐ-UBND ngày 27/12/2021, 342 ngày 20/01/2025	95.996							95.996	3.000				5.000	UBND xã Hà Trung	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung (Phần khu 3)	7945999	11644/QĐ-UBND ngày 09/12/2021, 344/QĐ-UBND ngày 20/01/2025	102.999							102.999	3.000				5.000	UBND xã Hà Trung	
-	Dịch chuyển đường ngang tại Km149+400 đến vị trí mới Km149+450 vào các khu dân cư tiểu khu 5, tiểu khu 6 thị trấn Hà Trung và các cơ quan, trường học trong khu vực, huyện Hà Trung	8141109	670/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	2.891							3.000	2.200	2.200	1.981	219		UBND xã Hà Trung	
-	Hệ thống hạ tầng mạng Internet UBND huyện Hà Trung	8124706	QĐ số 4264 ngày 06/11/2025	299							299	299	299	259	40		UBND xã Hà Trung	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Lập quy hoạch xây dựng vùng huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045	7872612	QĐ 4534 ngày 06/11/2023	2.158							2.167						7	UBND xã Hà Trung
-	Lập điều chỉnh, mở rộng QH chung thị trấn Hà Trung, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2035	7872613	QĐ 4532 ngày 06/11/2023	3.447							3.519						16	UBND xã Hà Trung
10	Xã Như Thanh			223.563	51.303	836	836	692	144		172.805	92.170	57.570	41.097	16.473			Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			220.845	49.685	418	418	346	72		171.705	92.170	57.570	41.097	16.473			
-	Trung tâm văn hoá – thể thao huyện Như Thanh	8047219	3104/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	63.000	26.662						36.390	19.338	19.338	16.966	2.372			UBND xã Như Thanh
-	Cầu thôn Xuân Lộc, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh	8074543	896/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	13.833	1.833						12.000	800	800	800				UBND xã Như Thanh
-	Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Như Thanh	7868038	1676/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	2.718	1.618	418	418	346	72		1.100							UBND xã Như Thanh
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Như Thanh	8074768	2759/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	14.930	1.430						13.500	5.160	5.160	3.921	1.239			UBND xã Như Thanh
-	Sửa chữa, khắc phục một số đoạn hư hỏng nghiêm trọng tại Km18+500 đến Km21+000 và Km23+300 đến Km24+800 đường tỉnh lộ 520 trên địa bàn huyện Như Thanh	8112245	2713/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	19.958	1.958						18.000	8.300	8.300	8.264	36			UBND xã Như Thanh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu phố 1 đến khu phố Cầu Máng, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	8124137	3797/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	10.908	908						10.000							UBND xã Như Thanh
-	Đường vào khu dân cư trung tâm thương mại thị trấn Bến Sung, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	8152982	1088/QĐ-UBND ngày 30/4/2025	17.940	1.700						16.300	16.300	16.300	8.844	7.456			UBND xã Như Thanh
-	Xây dựng trường mầm non Xuân Khang (bao gồm cả khu lẻ Xuân Hòa), huyện Như Thanh		4442/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	15.000	1.500						13.500	9.400						UBND xã Như Thanh
-	Đường vào nghĩa trang nhân dân huyện Như Thanh		839/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	47.643	12.076						36.000	25.200						UBND xã Như Thanh
-	Trường THCS DTNT huyện Như Thanh	8045896	855/QĐ-UBND ngày 11/4/2025	4.115							4.115	207	207	61	146			UBND xã Như Thanh
-	Trường Tiểu học Xuân Khang 2	8074767	3765/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	10.800							10.800	7.465	7.465	2.241	5.224			UBND xã Như Thanh
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			582.963	341.639	20.422	20.384	17.017	2.943	11.430	426.804	23.122	11.092	9.609	1.483	33		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			467.009	225.685	19.966	19.928	16.561	2.943	8.380	310.850	22.750	10.720	9.237	1.483	33		
-	Trung tâm văn hoá – thể thao huyện Như Thanh	8047219	3104/QĐ-UBND ngày 15/9/2023	63.000							26.610	4.200						UBND xã Như Thanh
-	Cầu thôn Xuân Lộc, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh	8074543	896/QĐ-UBND ngày 16/4/2025	13.833							1.833							UBND xã Như Thanh
-	Sửa chữa, khắc phục một số đoạn hư hỏng nghiêm trọng tại Km18+500 đến Km21+000 và Km23+300 đến Km24+800 đường tỉnh lộ 520 trên địa bàn huyện Như Thanh	8112245	2713/QĐ-UBND ngày 16/7/2024	19.958							1.958							UBND xã Như Thanh
-	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ khu phố 1 đến khu phố Cầu Máng, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	8124137	3797/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	10.908							908							UBND xã Như Thanh
-	Đường vào khu dân cư trung tâm thương mại thị trấn Bến Sung, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	8152982	1088/QĐ-UBND ngày 30/4/2025	17.940							1.700							UBND xã Như Thanh
-	Xây dựng trường mầm non Xuân Khang (bao gồm cả khu lẻ Xuân Hòa), huyện Như Thanh		4442/QĐ-UBND ngày 24/12/2024	15.000							1.500							UBND xã Như Thanh
-	Đường vào nghĩa trang nhân dân huyện Như Thanh		839/QĐ-UBND ngày 08/4/2025	47.643							12.076	4.000						UBND xã Như Thanh

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Như Thanh	8074768	2759/QĐ-UBND ngày 25/7/2024	14.930							1.430						UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng HTKT khu dân cư và TĐC khu phố Văn Thành,thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01)	8025122	1692/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	8.989	8.989	342	342	308	34		8.989						UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng HTKT mặt bằng điểm dân cư thôn Xuân Thành, xã Xuân Khang, huyện Như Thanh (giai đoạn 01)	8025123	813/QĐ-UBND ngày 11/4/2023	317	8.989	45	45		45		317						UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường huyện	8108787	2856/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	1.508	1.508	896	896	756	140		1.508	140	140		140		UBND xã Như Thanh	
-	Dự án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Như Thanh	7991215	1809/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.779	2.614	694	694	530	164		2.779						UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	8106170	1810/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	1.000	952	252	252	196	56		1.000						UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới tại Khu phố 1, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh	8124138	3782/QĐ-UBND ngày 04/11/2024	2.446	1.485						2.446						UBND xã Như Thanh	
-	Lập điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2035	8040049	221/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	255	255						255	80					UBND xã Như Thanh	
-	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2025 huyện Như Thanh	8151549	462/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	1.521	1.521	1.617	1.617		1.617		1.521	490	490		490		UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	8151482	1739/QĐ-UBND ngày 22/6/2025	1.008	861	1.008	1.008	603	405		1.008	405	405		405		UBND xã Như Thanh	
-	Tuyến đường từ vòng xuyến đi đường vành đai phía tây thị trấn Bến Sung,huyện Như Thanh	8124135	350/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	46.064	1.063	41	41	41	0		46.064						UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu phố Kim Sơn 1 thị trấn Bến Sung huyện Như Thanh	8047220	2929/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	55.000	55.000	9.039	9.039	8.655	384	4.772	55.000	4.514	4.514	4.130	384		UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 1) - Phần kỹ 01	8124136	1065/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	115.954	115.954	456	456	456	0	3.050	115.954	371	371	371			UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng Điểm dân cư thôn Đồng Hải, xã Hải Long, huyện Như Thanh	8074761	2079/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	14.959	14.959	4.891	4.891	4.827	64	500	14.959	4.800	4.800	4.736	64		UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân huyện Như Thanh (giai đoạn 1)	8074777	2124/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	9.376	9.376	57	57	57		57	9.376	3.750					UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	7964463	1679/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	962	500	500	462	38									UBND xã Như Thanh	
-	Đề án đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Bến Sung,huyện Như Thanh,tỉnh Thanh Hóa	8025130	3582/QĐ-UBND ngày 15/10/2024	806	806	94	94	94	0		806						UBND xã Như Thanh	
-	Trang thiết bị phòng họp trực tuyến Huyện Ủy và phòng họp Ban thường vụ Huyện Ủy	7991140	3496/QĐ-UBND ngày 02/10/2024	853	853	33	33		33		853					33	UBND xã Như Thanh	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			262.122							9.694	9.552	8.000	1.552				
-	Lập Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu huyện Như Thanh	7868038	1676/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	2.718							418	418	346	72			UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng HTKT khu dân cư và TĐC khu phố Văn Thành,thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 01)	8025122	1692/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	8.989							308	308	308				UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hệ thống an toàn giao thông trên các tuyến đường huyện	8108787	2856/QĐ-UBND ngày 07/8/2024	1.508							756	756	756				UBND xã Như Thanh	
-	Dự án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Như Thanh	7991215	1809/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	2.779							694	694	530	164			UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024	8106170	1810/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	1.000							252	252	196	56			UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024, huyện Như Thanh		3153/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	284							142						UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa	7964463	1679/QĐ-UBND ngày 19/6/2025	962							500	500	462	38			UBND xã Như Thanh	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2025 huyện Như Thanh	8151549	462/QĐ-UBND ngày 12/02/2025	1.521							1.127	1.127		1.127			UBND xã Như Thanh	
-	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2025	8151482	1739/QĐ-UBND ngày 22/6/2025	1.008							603	603	603				UBND xã Như Thanh	
-	Tuyến đường từ vòng xuyến đi đường vành đai phía tây thị trấn Bến Sung,huyện Như Thanh	8124135	350/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	46.064							41	41	41	0			UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư khu phố Kim Sơn 1 thị trấn Bến Sung huyện Như Thanh	8047220	2929/QĐ-UBND ngày 22/8/2023	55.000							4.525	4.525	4.525				UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng dự án khu dân cư và tái định cư khu phố Đồng Mười, thị trấn Bến Sung, huyện Như Thanh (giai đoạn 1) - Phần kỳ 01	8124136	1065/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	115.954							179	179	85	94			UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật mặt bằng Diêm dân cư thôn Đồng Hải, xã Hải Long, huyện Như Thanh	8074761	2079/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	14.959							91	91	91				UBND xã Như Thanh	
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Nghĩa trang nhân dân huyện Như Thanh (giai đoạn 1)	8074777	2124/QĐ-UBND ngày 07/6/2024	9.376							57	57	57				UBND xã Như Thanh	
11	Xã Thanh Kỳ			80.861	43.638	15.828	12.223	6.526	5.697	482	564.081	246.257	212.858	134.576	78.282	66		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			40.430	3.430					443	37.000	3.600	3.600	3.595	5			
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh Quang đi Khe Cát, xã Thanh Tân huyện Như Thanh	8021286	623/QĐ-UBND ngày 18/3/2023	5.139	139						5.000						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Sửa chữa, khắc phục hồ Bãi Ôi, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	8030946	1596/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	9.978	978						9.000	3.600	3.600	3.595	5		UBND xã Thanh Kỳ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Tân Vinh đi thôn Tân Quang và thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	7958059	1665/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	3.750	750						3.000						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Tiến và tuyến đường từ thôn Đồng Ván đi thôn Thanh Xuân, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	7958061	1081/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	6.930	430						6.500						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Sửa chữa tuyến đường từ thôn Hợp Tiến đi thôn Tân Hùng và tuyến đường từ thôn Phú Quý đi thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	8108771	3631/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	14.633	1.133					443	13.500						UBND xã Thanh Kỳ	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			40.430	40.208	15.828	12.223	6.526	5.697	39	527.081	242.657	209.258	130.981	78.278	66		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			40.430	40.208	15.828	12.223	6.526	5.697	39	527.081	242.657	209.258	130.981	78.278	66		
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thanh Quang đi Khe Cát, xã Thanh Tân huyện Như Thanh	8021286	623/QĐ-UBND ngày 18/3/2023	5.139							139						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Sửa chữa, khắc phục hồ Bãi Ôi, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	8030946	1596/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	9.978							978						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Tân Vinh đi thôn Tân Quang và thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	7958059	1665/QĐ-UBND ngày 26/5/2022	3.750							750						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ thôn Đồng Tâm đi thôn Đồng Tiến và tuyến đường từ thôn Đồng Ván đi thôn Thanh Xuân, xã Thanh Kỳ, huyện Như Thanh	7958061	1081/QĐ-UBND ngày 29/4/2025	6.930							430						UBND xã Thanh Kỳ	
-	Sửa chữa tuyến đường từ thôn Hợp Tiến đi thôn Tân Hùng và tuyến đường từ thôn Phú Quý đi thôn Khe Cát, xã Thanh Tân, huyện Như Thanh	8108771	3631/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	14.633							1.133					0,443	UBND xã Thanh Kỳ	
12	Xã Yên Thọ			285.398	1.487	236	236	4	232		158.888	76.836	65.836	41.487	24.348	9		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
a)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện			158.658	1.487	236	236	4	232		148.722	76.600	65.600	41.484	24.116	9		
-	Đường giao thông từ thôn Phúc Minh, xã Xuân Phúc đi thôn Hùng Sơn, xã Yên Thọ, huyện Như Thanh		843/QĐ-UBND ngày 09/4/2025	5.121							5.120					9	UBND xã Yên Thọ	
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Ông Lịch, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8025124	3768/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.047	47						6.000						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Yên Thọ đi xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8025127	775/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	13.259	659						12.600						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Yên Thọ, huyện Như Thanh	8097192	1812/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	6.905							6.905	3.100	3.100	3.100			UBND xã Yên Thọ	
-	Cầu Khe Thùng, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8074541	1076/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	34.746							31.500	28.400	28.400	16.742	11.658		UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 45 đi đường tỉnh 505B xã Yên Thọ, huyện Như Thanh	8152297	938/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	9.630							9.000	6.300	6.300	6.018	282		UBND xã Yên Thọ	
-	Đường giao thông từ xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh đi Nhà máy đường Nông Cống, huyện Nông Cống	8074759	2093/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	45.000							40.000	36.000	25.000	12.823	12.177		UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Khe Đu, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8074762	2076/QĐ-UBND ngày 04/6/2024	7.408							7.408	2.800	2.800	2.800			UBND xã Yên Thọ	
-	Xây dựng Trường THCS Xuân Phúc huyện Như Thanh	8036684	223/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	11.154	781	236	236	4	232		10.800						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp hồ Đồng Trung, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8025126	3715/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	11.581							11.581						UBND xã Yên Thọ	
-	Nâng cấp trạm bơm Minh Thịnh, xã Yên Thọ, huyện Như Thanh	8030943	3291/QĐ-UBND ngày 09/09/2024	7.808							7.808						UBND xã Yên Thọ	
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			126.740							10.167	236	236	4	232			
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			126.740							10.167	236	236	4	232			
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Ông Lịch, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8025124	3768/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	6.047							47						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xã Yên Thọ đi xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8025127	775/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	13.259							659						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã Yên Thọ, huyện Như Thanh	8097192	1812/QĐ-UBND ngày 26/6/2025	6.905													UBND xã Yên Thọ	
-	Cầu Khe Thùng, xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh	8074541	1076/QĐ-UBND ngày 19/3/2024	34.746							3.246						UBND xã Yên Thọ	
-	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường từ Quốc lộ 45 đi đường tỉnh 505B xã Yên Thọ, huyện Như Thanh	8152297	938/QĐ-UBND ngày 18/4/2025	9.630							630						UBND xã Yên Thọ	
-	Đường giao thông từ xã Xuân Phúc, huyện Như Thanh đi Nhà máy đường Nông Cống, huyện Nông Cống	8074759	2093/QĐ-UBND ngày 05/6/2024	45.000							5.000						UBND xã Yên Thọ	
-	Xây dựng Trường THCS Xuân Phúc huyện Như Thanh	8036684	223/QĐ-UBND ngày 17/01/2025	11.154							585	236	236	4	232		UBND xã Yên Thọ	
13	Xã Tổng Sơn			118.585	35.749	15.121	11.515	6.515	5.000	39	36.819	11.914	11.515	6.515	5.000	39		Điều chỉnh Quyết định số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025
b)	Dự án sử dụng vốn ngân sách cấp huyện quản lý			118.585	35.749	15.121	11.515	6.515	5.000	39	36.819	11.914	11.515	6.515	5.000	39		
*	Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách huyện			59.293	35.749	15.121	11.515	6.515	5.000	39	1.070	500	262	262				
-	Chương trình phát triển đô thị Hà Lĩnh, huyện Hà Trung đến năm 2045	8022903	QĐ 2575/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	573	602	301	263	263			602	300	262	262			UBND xã Tổng Sơn	

STT	Xã mới (sau sắp xếp)/Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán; quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư; giá trị quyết toán	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm điều chỉnh từ cấp huyện sang cấp xã tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Đề xuất điều chỉnh nội dung tại các Quyết định: số 3581/QĐ-UBND ngày 17/11/2025; số 3925/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh						Chủ đầu tư sau điều chỉnh/chủ đầu tư dự kiến điều chỉnh	Ghi chú
					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2025	Trong đó:			Kế hoạch vốn năm 2024 đã được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2025		
							Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân				Số kế hoạch vốn đã nhập TABMIS đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn đã giải ngân đến hết ngày 30/6/2025	Số vốn còn lại chưa giải ngân			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
-	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Linh (xã Hà Linh), huyện Hà Trung đạt tiêu chí đô thị loại V	8023910	QĐ 2577/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	468	468	234	34	34			468	200					UBND xã Tổng Sơn	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Sơn, huyện Hà Trung để phục vụ Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn-Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	7812021	2775/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	10.031	1.772	124	124	124									UBND xã Tổng Sơn	
-	Đường Ba Chi Giang Sơn 10 đi Hồ Sun Chí Phúc, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	1359/QĐ - UBND ngày 20/4/2022, 2772/QĐ-UBND ngày 11/6/2023, 412/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	14.529	5.000	5.000	5.000		5.000								UBND xã Tổng Sơn	
-	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Linh huyện Hà Trung Thanh Hóa	7872614	QĐ 4536; 06/11/2023	3.407	3.407	3.407	39	39		39							UBND xã Tổng Sơn	
-	Kiến cổ hóa hệ thống kênh tiêu cống Chí Phúc xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	QĐ 44; 07/01/2025	28.086	24.500	5.867	5.867	5.867									UBND xã Tổng Sơn	
-	Nâng cấp rãnh thoát nước Chí Phúc và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Chí Phúc và Quý Tiến xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	QĐ 166; 19/7/2023	1.095		123	123	123									UBND xã Tổng Sơn	
-	Điện chiếu sáng công cộng thôn Vĩnh An và thôn Cẩm Cường xã Hà Sơn	7245009	QĐ 80; 13/5/2025	1.104		65	65	65									UBND xã Tổng Sơn	
*	Vốn đầu tư công khác (tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách huyện...)			59.293							35.749	11.414	11.253	6.253	5.000	39		
-	Đường Ba Chi Giang Sơn 10 đi Hồ Sun Chí Phúc, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	1359/QĐ - UBND ngày 20/4/2022, 2772/QĐ-UBND ngày 11/6/2023, 412/QĐ-UBND ngày 23/01/2025	14.529							5.000	5.000	5.000		5.000		UBND xã Tổng Sơn	
-	Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Hà Linh huyện Hà Trung Thanh Hóa	7872614	QĐ 4536; 06/11/2023	3.407							3.407		39	39		39	UBND xã Tổng Sơn	
-	Kiến cổ hóa hệ thống kênh tiêu cống Chí Phúc xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	QĐ 44; 07/01/2025	28.086							24.500	5.867	5.867	5.867			UBND xã Tổng Sơn	
-	Nâng cấp rãnh thoát nước Chí Phúc và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng thôn Chí Phúc và Quý Tiến xã Hà Sơn, huyện Hà Trung	7245009	QĐ 166; 19/7/2023	1.095								123	123	123			UBND xã Tổng Sơn	
-	Điện chiếu sáng công cộng thôn Vĩnh An và thôn Cẩm Cường xã Hà Sơn	7245009	QĐ 80; 13/5/2025	1.104								65	65	65			UBND xã Tổng Sơn	
-	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư xã Hà Sơn, huyện Hà Trung để phục vụ Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Mai Sơn-Quốc lộ 45 thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc-Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020	7812021	2775/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	10.031							1.772	124	124	124			UBND xã Tổng Sơn	
-	Chương trình phát triển đô thị Hà Linh, huyện Hà Trung đến năm 2045	8022903	QĐ 2575/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	573							602	1	1	1			UBND xã Tổng Sơn	
-	Đề án đề nghị công nhận khu vực dự kiến hình thành đô thị Hà Linh (xã Hà Linh), huyện Hà Trung đạt tiêu chí đô thị loại V	8023910	QĐ 2577/QĐ-UBND ngày 13/6/2025	468							468	234	34	34			UBND xã Tổng Sơn	